

# MỤC LỤC

II.5 Một số cơ sở nghiên cứu khác	22
II.5.1 JavaScript:	22
II.5.2 CSS:	
CHƯƠNG III PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG	24
III.1 Mô tả bài toán, đưa ra yêu cầu	24
III.1.1 Mô tả bài toán:	24
III.1.2 Yêu cầu bài toán:	25
III.2 Biểu đồ phân cấp chức năng hệ thống	26
H2. Biểu đồ phân cấp chức năng hệ thống.	26
III.3 Biểu đồ luồng dữ liệu	27
III.3.1 Biểu đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh:	27
H3. Biểu đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh.	27
III.3.2 Biều đồ luồng dữ liệu mức đỉnh:	27
III.3.3 Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động thành viên :	28
III.3.4 Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động quản trị :	29
III.4 Thiết kế cơ sở dữ liệu	29
III.4.1 Các bước trong thiết kế cơ sở dữ liệu cho một hệ thống :	29
III.4.2 Cơ sở dữ liệu cho trang web:	31
III.4.3 Mối quan hệ giữa các bảng :	34
CHƯƠNG IV THIẾT KẾ GIAO DIỆN	35
IV.1 Giao diện cho người sử dụng:	
IV.2 Giao diện cho người quản trị	45
KÉT LUẬN	49
TÀI LIÊU THAM KHẢO	50

# DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	ASP	Active Server Page
2	SQL Server	Relational Database Management System
3	DB	Database
4	ICT	Information Commercial Technology
5	TMĐT	Thương mại điện tử
6	ECM	Enterprise Content Management

# DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VỀ

- H1. Sơ đồ tổ chức công ty
- H2. Biểu đồ phân cấp chức năng hệ thống.
- H3. Biểu đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh.
- H4. Biểu đồ luồng dữ liệu mức đính.
- H5. Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động thành viên.
- H6. Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động quản trị.

# LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, với sự phát triển không ngừng của các ngành khoa học kỹ thuật. CNTT cũng không nằm ngoài vòng xoáy phát triển đó. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành khoa học kỹ thuật khác. CNTT đã có những ứng dụng to lớn trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Đây là một ngành khoa học mũi nhọn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội. CNTT đóng vai trò to lớn trong giao dịch giữa mọi người, mọi doanh nghiệp ở khắp nơi trên thế giới. Từ thập niên 90 của thế kỷ trước, thuật ngữ *Electronic Business* (Thương mại điện tử) ra đời và ngày càng trở lên phổ biến.

Trong bất cứ lĩnh vực nào, thương mại điện tử cũng có lợi thế. Nó không những làm giảm thời gian mà còn làm giảm chi phí cho mọi vấn đề giao dịch của con người. Việc kinh doanh qua mạng không chỉ đáp ứng nhu cầu của con người mà còn giúp cho người sử dụng so sánh giá ở nhiều nơi để mua những mặt hàng tốt, giá hợp lý. Với những kiến thức đã học và thời gian thực tế, em xin lựa chọn đề tài: "Xây dựng trang web bán điện thoại trực tuyến sử dụng ngôn ngữ lập trình ASP.NET và cơ sở dữ liệu SQL Server".

Nội dung chính của báo cáo tốt nghiệp bao gồm các nội dung chính:

Chương I: Tổng quan về cơ sở thực tập.

Chương II: Cơ sở lý thuyết.

Chương III: Phân tích thiết kế hệ thống.

Chương IV: Thiết kế giao diện.

Em xin chân thành cảm ơn Cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Quỳnh Mai - Bộ môn công nghệ thông tin Trường Đại học Kinh tế Hà Nội, đã hướng dẫn, chỉ dạy tận tình để đề tài thực tập tốt nghiệp của em được hoàn thành.

Em xin chân thành cảm ơn toàn thể cán bộ, giáo viên Bộ môn CNTT đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập tại trường.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, cán bộ và nhân viên Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Công nghệ Việt Hàn đã tạo điều kiện giúp đỡ cho em trong suốt quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà nội tháng 4/2008 Sinh viên Nguyễn Thị Phượng

# CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ THỰC TẬP

# I.1 Giới thiệu chung về công ty:

Tên công ty: Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Công nghệ Việt Hàn.

Tên giao dịch: Viet Han Consultancy Trading & Technology Co.,LTD

Ngày thành lập: 10/3/2006

Địa chỉ: Nhà B1\_4 Khu Đô Thị 54 Hạ Đình, ngõ 85 Hạ Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 04.2146285

Website: http://www.viethantech.com

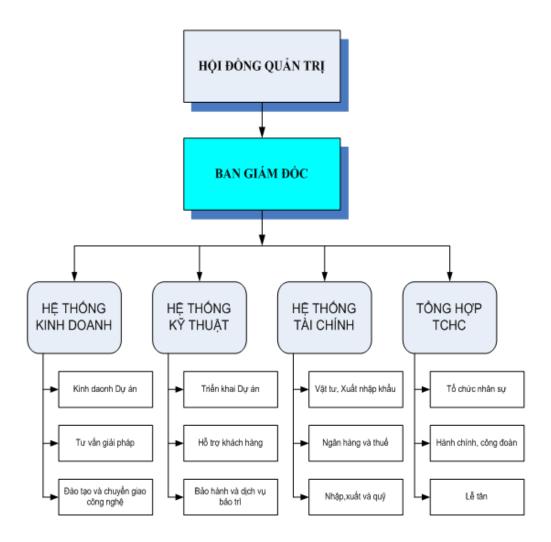
Với sự ham mê học hỏi công nghệ và sáng tạo, những kỹ sư CNTT đã nung nấu ý tưởng thành lập một công ty tư vấn CNTT. Đến tháng 3 năm 2006 Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Công nghệ Việt Hàn đã chính thức thành lập và đi vào hoạt động. Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Công nghệ Việt Hàn có tên giao dịch quốc tế là Viet Han Consultancy Trading & Technology Co.,LTD chuyên kinh doanh dự án, cung cấp các giải pháp tổng thể cho khách hàng. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Công nghệ Việt Hàn bao gồm nghiên cứu, thiết kế, chuyển giao công nghệ tin học. Ngoài ra chúng tôi đã tham gia và đã khẳng định được uy tín trong các lĩnh vực kinh doanh thiết bị điện tử, thiết bị viễn thông, tự động hoá, đo lường điều khiển, công nghiệp, điện, các loại máy móc thiết bị và phu tùng thay thế và các loại thiết bị văn phòng. Đặc biệt Công ty TNHH Tư vấn Thương mai và Công nghê Việt Hàn đã đầu tư xây dựng các giải pháp tổng thể cho các hệ thống nguồn dư phòng, hệ thống DCS (Departure Control System), hệ thống xử lý đọc passport, thẻ ngân hàng, hệ thống Backup, lưu trữ, xử lý các loại dữ liệu, tài liệu,...được sử dụng các công nghệ tiên tiến hàng đầu của các hãng sản xuất rất nổi tiếng ở trên Thế giới.

Một số sản phẩm mà công ty đã làm ra:

- Phần mềm kế toán.
- Phần mềm quản lý khách sạn.

- Phần mềm quản lý nhân sự.
- Phần mềm quản lý bệnh viện.
- Phần mềm quản lý hộ tịch.
- Phần mềm quản lý bán hàng.
- Phần mềm quản lý nhà phân phối.
- Phần mềm quản lý dự án.
- Phần mềm quản lý đăng ký quyền sử dụng đất.
- Phần mềm quản lý các dịch vụ văn hóa.
- Phần mềm quản lý hợp tác xã.

# I.2 Sơ đồ tổ chức của công ty:



H1. Sơ đồ tổ chức công ty.

# CHƯƠNG II CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### II.1 Thương mại điện tử:

#### II.1.1 Thương mại điện tử là gì:

Thương mại điện tử (còn gọi là thị trường điện tử, thị trường ảo, E-Commerce hay E-Business) là quy trình mua bán ảo thông qua việc truyền dữ liệu giữa các máy tính trong chính sách phân phối của tiếp thị. Tại đây một mối quan hệ thương mại hay dịch vụ trực tiếp giữa người cung cấp và khách hàng được tiến hành thông qua Internet. Hiểu theo nghĩa rộng, thương mại điện tử bao gồm tất cả các loại giao dịch thương mại mà trong đó các đối tác giao dịch sử dụng các kỹ thuật thông tin trong khuôn khổ chào mời, thảo thuận hay cung cấp dịch vụ. Thông qua một chiến dịch quảng cáo của IBM trong thập niên 1990, khái niệm *Electronic Business*, thường được dùng trong các tài liệu, bắt đầu thông dụng.

Thuật ngữ ICT (viết tắt của từ tiếng Anh *information commercial technology*) cũng có nghĩa là thương mại điện tử, nhưng ICT được hiểu theo khía cạnh công việc của các chuyên viên công nghệ.

Theo nghĩa hẹp, thương mại điện tử chỉ đơn thuần bó hẹp thương mại điện tử trong việc mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử, nhất là qua Internet và các mạng liên thông khác.

Theo Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), "Thương mại điện tử bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, bán hàng và phân phối sản phẩm được mua bán và thanh toán trên mạng Internet, nhưng được giao nhận một cách hữu hình, cả các sản phẩm giao nhận cũng như những thông tin số hoá thông qua mạng Internet".

Theo Uỷ ban Thương mại điện tử của Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), "Thương mại điện tử là công việc kinh doanh được tiến hành thông qua truyền thông số liệu và công nghệ tin học kỹ thuật số".

Thương mại điện tử hiểu theo nghĩa rộng *là các giao dịch tài chính và* thương mại bằng phương tiện điện tử như: trao đổi dữ liệu điện tử, chuyển tiền điện tử và các hoạt động như gửi/rút tiền bằng thẻ tín dụng.

Theo quan điểm này, có hai định nghĩa khái quát được đầy đủ nhất phạm vi hoạt động của Thương mại điện tử:

Luật mẫu về Thương mại điện tử của Uỷ ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) định nghĩa: "Thuật ngữ thương mại [commerce] cần được diễn giải theo nghĩa rộng để bao quát các vấn đề phát sinh từ mọi quan hệ mang tính chất thương mại dù có hay không có hợp đồng. Các quan hệ mang tính thương mại [commercial] bao gồm, nhưng không chỉ bao gồm, các giao dịch sau đây: bất cứ giao dịch nào về cung cấp hoặc trao đổi hàng hoá hoặc dịch vụ; thoả thuận phân phối; đại diện hoặc đại lý thương mại, uỷ thác hoa hồng (factoring), cho thuê dài hạn (leasing); xây dựng các công trình; tư vấn, kỹ thuật công trình (engineering); đầu tư; cấp vốn, ngân hàng; bảo hiểm; thoả thuận khai thác hoặc tô nhượng, liên doanh và các hình thức về hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh; chuyên chở hàng hoá hay hành khách bằng đường biển, đường không, đường sắt hoặc đường bộ".

Theo định nghĩa này, có thể thấy phạm vi hoạt động của thương mại điện tử rất rộng, bao quát hầu hết các lĩnh vực hoạt động kinh tế, trong đó hoạt động mua bán hàng hoá và dịch vụ chỉ là một phạm vi rất nhỏ trong thương mại điện tử.

Theo Uỷ ban châu Âu: "Thương mại điện tử được hiểu là việc thực hiện hoạt động kinh doanh qua các phương tiện điện tử. Nó dựa trên việc xử lý và truyền dữ liệu điện tử dưới dạng text, âm thanh và hình ảnh".

Thương mại điện tử trong định nghĩa này gồm nhiều hành vi trong đó: hoạt động mua bán hàng hoá; dịch vụ; giao nhận các nội dung kỹ thuật số trên mạng; chuyển tiền điện tử; mua bán cổ phiếu điện tử, vận đơn điện tử; đấu giá thương mại; hợp tác thiết kế; tài nguyên trên mạng; mua sắm công cộng; tiếp thị trực tiếp với người tiêu dùng và các dịch vụ sau bán hàng; đối với thương mại hàng hoá (như

hàng tiêu dùng, thiết bị y tế chuyên dụng) và thương mại dịch vụ (như dịch vụ cung cấp thông tin, dịch vụ pháp lý, tài chính); các hoạt động truyền thống (như chăm sóc sức khoẻ, giáo dục) và các hoạt động mới (như siêu thị ảo)

Theo quan điểm thứ hai nêu trên, "thương mại" (commerce) trong "thương mại điện tử" không chỉ là buôn bán hàng hoá và dịch vụ (trade) theo các hiểu thông thường, mà bao quát một phạm vi rộng lớn hơn nhiều, do đó việc áp dụng thương mại điện tử sẽ làm thay đổi hình thái hoạt động của hầu hết nền kinh tế. Theo ước tính đến nay, thương mại điện tử có tới trên 1.300 lĩnh vực ứng dụng, trong đó, buôn bán hàng hoá và dịch vụ chỉ là một lĩnh vực ứng dụng.

Các điểm đặc biệt của thương mại điện tử so với các kênh phân phối truyền thống là tính linh hoạt cao độ về mặt cung ứng và giảm thiểu lớn phí tổn vận tải với các đối tác kinh doanh. Các phí tổn khác thí dụ như phí tổn điện thoại và đi lại để thu nhập khác hàng hay phí tổn trình bày giới thiệu cũng được giảm xuống. Mặc dầu vậy, tại các dịch vụ vật chất cụ thể, khoảng cách không gian vẫn còn phải được khắc phục và vì thế đòi hỏi một khả năng tiếp vận phù hợp nhất định.[1]

Ngày nay người ta hiểu khái niệm thương mại điện tử thông thường là tất cả các phương pháp tiến hành kinh doanh và các quy trình quản trị thông qua các kênh điện tử mà trong đó Internet hay ít nhất là các kỹ thuật và giao thức được sử dụng trong Internet đóng một vai trò cơ bản và công nghệ thông tin được coi là điều kiện tiên quyết. Một khía cạnh quan trọng khác là không còn phải thay đổi phương tiện truyền thông, một đặc trưng cho việc tiến hành kinh doanh truyền thống. Thêm vào đó là tác động của con người vào quy trình kinh doanh được giảm xuống đến mức tối thiểu. Trong trường hợp này người ta gọi đó là *Thẳng đến gia công (Straight Through Processing)*. Để làm được điều này đòi hỏi phải tích hợp rộng lớn các các tính năng kinh doanh.

Nếu liên kết các hệ thống ứng dụng từ các lãnh vực có tính năng khác nhau hay liên kết vượt qua ranh giới của doanh nghiệp cho mục đích này thì đây là một lãnh vực ứng dụng truyền thống của tích hợp ứng dụng doanh nghiệp. Quản lý nội

dung doanh nghiệp (*Enterprise Content Management – ECM*) được xem như là một trong những công nghệ cơ bản cho kinh doanh điện Tử.

### II.1.2 Lợi ích của thương mại điện tử:

- ✓ TMĐT giúp cho các Doanh nghiệp nắm được thông tin phong phú về
  thị trường và đối tác
  - ✓ TMĐT giúp giảm chi phí sản xuất
  - ✓ TMĐT giúp giảm chi phí bán hàng và tiếp thị.
- ✓ TMĐT qua INTERNET giúp người tiêu dùng và các doanh nghiệp giảm đáng kể thời gian và chí phí giao dịch.
- ✓ TMĐT tạo điều kiện cho việc thiết lập và củng cố mối quan hệ giữa các thành phần tham gia vào quá trình thương mại.
  - ✓ Tạo điều kiện sớm tiếp cận nền kinh tế số hoá.

# II.1.3 Các công đoạn của một giao dịch mua bán trên mạng: Gồm có 6 công đoạn sau:

- 1. Khách hàng, từ một máy tính tại một nơi nào đó, điền những thông tin thanh toán và điạ chỉ liên hệ vào đơn đặt hàng (Order Form) của Website bán hàng (còn gọi là Website thương mại điện tử). Doanh nghiệp nhận được yêu cầu mua hàng hoá hay dịch vụ của khách hàng và phản hồi xác nhận tóm tắt lại những thông tin cần thiết nh mặt hàng đã chọn, địa chỉ giao nhận và số phiếu đặt hàng...
- 2. Khách hàng kiểm tra lại các thông tin và kích (click) vào nút (button) "đặt hàng", từ bàn phím hay chuột (mouse) của máy tính, để gởi thông tin trả về cho doanh nghiệp.
- 3. Doanh nghiệp nhận và lưu trữ thông tin đặt hàng đồng thời chuyển tiếp thông tin thanh toán (số thẻ tín dụng, ngày đáo hạn, chủ thẻ ...) đã được mã hoá đến máy chủ (Server, thiết bị xử lý dữ liệu) của Trung tâm cung cấp dịch vụ xử lý thẻ trên mạng Internet. Với quá trình mã hóa các thông tin thanh toán của khách hàng

được bảo mật an toàn nhằm chống gian lận trong các giao dịch (chẳng hạn doanh nghiệp sẽ không biết được thông tin về thẻ tín dụng của khách hàng).

- 4. Khi Trung tâm Xử lý thẻ tín dụng nhận được thông tin thanh toán, sẽ giải mã thông tin và xử lý giao dịch đằng sau bức tường lửa (FireWall) và tách rời mạng Internet (off the Internet), nhằm mục đích bảo mật tuyệt đối cho các giao dịch thương mại, định dạng lại giao dịch và chuyển tiếp thông tin thanh toán đến ngân hàng của doanh nghiệp (Acquirer) theo một đường dây thuê bao riêng (một đường truyền số liệu riêng biệt).
- 5. Ngân hàng của doanh nghiệp gởi thông điệp điện tử yêu cầu thanh toán (authorization request) đến ngân hàng hoặc công ty cung cấp thẻ tín dụng của khách hàng (Issuer). Và tổ chức tài chính này sẽ phản hồi là đồng ý hoặc từ chối thanh toán đến trung tâm xử lý thẻ tín dụng trên mạng Internet.
- 6. Trung tâm xử lý thẻ tín dụng trên Internet sẽ tiếp tục chuyển tiếp những thông tin phản hồi trên đến doanh nghiệp, và tùy theo đó doanh nghiệp thông báo cho khách hàng được rõ là đơn đặt hàng sẽ được thực hiện hay không.

Toàn bộ thời gian thực hiện một giao dịch qua mạng từ bước 1 -> bước 6 được xử lý trong khoảng 15 - 20 giây. [2]

# II.2 Tìm hiểu về Website

# II.2. 1 Website là gì?

Website là một văn phòng ảo của doanh nghiệp trên Internet. Website bao gồm toàn bộ thông tin, dữ liệu, hình ảnh về các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp muốn giới thiệu đến người truy cập Internet. Văn phòng ảo này khác với văn phòng thật của doanh nghiệp là nó hoạt động 24/7 (24h/ngày, 7 ngày/tuần). Khách đến thăm văn phòng này có thể trong nước hay ngoài nước và chi phí duy trì văn phòng ảo này rất thấp. Với đặc điểm trên, Website là bộ mặt của doanh nghiệp trước khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Vì vậy Website cần có những vếu tố sau:

✓ Thiết kế thẩm mỹ, tiện lợi.

- ✓ Tốc đô nhanh.
- ✓ Tên Website dễ nhớ và ngắn gọn.
- ✓ Hỗ trợ nhiều tín năng như: email, thống kê truy cập, cập nhật thông tin dễ dàng và nhanh chóng, ... [3]

### II.2. 2 Yêu cầu tối thiểu của một Website:

- ✓ Tên Website hay còn gọi là tên miền có dạng www.tencongty.com (.net, .org, .com.vn).
  - ✓ Web hosting là nơi lưu trữ website trên máy chủ Internet.
  - ✓ Các trang Web đã được xây dựng và hoạt động.

### II.2.3 Tên miền và Webhosting:

Domain name là địa chỉ Website hay còn gọi là tên miền, ví dụ domain name 'www.yahoo.com' là địa chỉ Website của Yahoo. Domain name chỉ có một và chỉ duy nhất một. Bạn có thể biết tên miền có còn được đăng ký hay không bằng cách kiểm tra trên mạng, hãy đăng ký ngay lập tức trước khi có người khác đăng ký mất tên miền đó của bạn. Để duy trì quyền sở hữu Domain name, bạn phải đóng một khoảng phí hàng năm theo quy định của pháp luật để sử dụng nó. Domain chính có dạng www.tencongty.com, ví dụ 'www.vnsolution.com'. Domain phụ còn gọi là sub domain là domain được tạo từ domain chính, ví dụ vnsolution có một chi nhánh tại Hà Nội, chúng ta có thể tạo địa chỉ website cho khu vực Hà Nội của công ty vnsolution như sau: 'www.hanoi.vnsolution.com'.

Web hosting là nơi lưu trữ tất cả các trang Web, các thông tin email, dữ liệu, hình ảnh trên một máy chủ Internet, Web hosting đồng thời cũng là nơi diễn ra tất cả các hoạt động giao dịch, trao đổi thông tin giữa Website với người sử dụng Internet và hỗ trợ các phần mềm Internet hoạt động.[4]

### II.2.4 Các bước xây dựng Website:

Trước tiên bạn phải xác định mục đích xây dựng Website: để giới thiệu thông tin về công ty hay kinh doanh qua mạng.

Dăng ký tên miền.

#### ➤ Thiết kế Website:

- ✓ Xây dựng cấu trúc website phục vụ mục tiêu phát triển thương hiệu mở rộng thị trường.
- ✓ Thiết kế đồ hoạ: biên tập nội dung, hình ảnh thích hợp thị hiếu thẩm mỹ của khách hàng.
- ✓ Lập trình ứng dụng và cơ sở dữ liệu
   (đối với website động)
- Thuê chỗ trên máy chủ kết nối website với Internet toàn cầu.
  - Quảng bá website sau khi đã hoàn thiện.
  - Bảo trì và nâng cấp (cập nhật thông tin).

#### II.2.5 Chi phí xây dựng Website:

Để xây dựng và vận hành một Website, về căn bản bạn phải trả 3 khoản phí.

Trước hết bạn cần đăng ký một tên niềm riêng, thường được gọi là địa chỉ Website 'www.tencongty.com'. Để có tên miền bạn đầu tư một khoảng phí là 150.000 VND trong năm đầu tiên và chi trả 150.000 VND cho từng năm tiếp theo (các chi phí trên chưa bao gồm VAT).

Khoản đầu tư thứ hai là chi phí thiết kế Website. Khoản phí này tuỳ thuộc vào quy mô và phức tạp của Website bạn.

Khoản đầu tư thứ ba là chi phí duy trì Website. Mọi Website đều cần có một máy chủ để kết nối chúng với Internet . Chi phí lưu trữ phụ thuộc vào đặc điểm và quy mô Website của bạn.

### II.3 Ngôn ngữ ASP.NET

### II.3.1 Giới thiệu về ASP.NET :

ASP.NET là phiên bản kế tiếp của Active Server Page (ASP); nó là một nền phát triển ứng dụng Web hợp nhất, cung cấp nhiều dịch vụ cần thiết cho lập trình viên xây dựng các lớp ứng dụng chuyên nghiệp. Cú pháp ASP.NET tượng thích với cú pháp ASP, ngoài ra ASP.NET còn cung cấp một mô hình lập trình mới, nền tảng an toàn (secure), linh hoạt (scalable),và ổn định (stable). Sẽ cảm thấy dễ chịu khi nâng cấp ứng dụng ASP hiện có, bằng cách đưa vào các hàm ASP.NET cho chúng (lời của MS).

ASP.NET là biên dịch, dựa trên môi trường .NET và có thể xây dựng bằng bất cứ ngôn ngữ nào tương thích .NET, bao gồm Visual Basic .NET, C#, and JScript .NET. Ngoài ra, toàn bộ thư viện .NET Framework có thể sử dụng với ứng dụng ASP.NET, lập trình viên tận dụng dễ dàng những lợi ích của các kỹ thuật được cung cấp, bao gồm quản lý môi trường thực thi ngôn ngữ cung (common language runtime), kiểu an toàn (type safety), kế thừa (inheritance), .v.v.

ASP.NET được thiết kế làm việc với các trình soạn thảo WYSIWYG HTML đi kèm và các công cụ lập trình khác được đưa vào trong Microsoft Visual .NET. Tất cả các công cụ này không phải chỉ dùng để phát triển ứng dụng Web được dễ dàng, tuy nhiên có thể sử dụng một vài chức năng thông thường cho ứng dụng Web, bao gồm một GUI cho phép lập trình viên có thể để dàng đặt các server control vào trang web (web page), và một trình debug rất mạnh mẽ.

Khi tạo một ứng dụng Web lập trình viên có thể chọn Web Forms hoặc Web Services, ngoài ra cũng có thể kết hợp hai loại này với nhau theo bất kỳ cách nào. Cà hai loại này có một nền cơ bản, cho phép sử dụng authentication schemes, cache frequently used data, hoặc chỉnh sửa cấu hình ứng dụng (customize application's configuration). Tuy nhiên mỗi loại có một vài khả năng riêng:

Web Forms cho phép xây dựng các form có nội dung phong phú (powerful forms) trên trang Web (Web Page). Khi xây dựng các form có thể sử dụng các server control để tạo các thành phần UI thông dụng và lập trình cho chúng một vài

chức năng thông dụng, những control này cho phép xây dựng nhanh chóng các form chỉ dùng một lần (out of reusable built-in), hoặc các custom component, làm đơn giản mã của trang web (simplifying the code of a page).

Một XML Web Service cung cấp điều kiện (mean) để truy cập các hàm ở server từ xa. Khi sử dụng Web Service, trong kinh doanh người ta có thể đưa ra các giao diện lập trình được cùng với dữ liệu, hoặc kết quả kinh doanh, những cái này có thể được nhận, hiệu chỉnh bởi các ứng dụng client và server. Web Server cho phép trao đổi dữ liệu theo hai kịch bản (scenarios) client-server và server-client, sử dụng chuẩn HTTP và thông diệp XML (XML messaging) để di chuyển dữ liệu qua tường lữa (firewall). XML Web Service có thể được viết bằng mọi ngôn ngữ lập trình, sử dụng mọi mô hình thành phần (component model), và có thể chạy trên bất kỳ hệ điều hành nào có thể truy cập XML Web Services.

Mô hình (model) Web Forms và Web Services đều có tất cả các đặt tính của ASP.NET, đó là sức mạnh của .NET Framework và .NET Framework Common Lanuage Runtime.

#### II.3.2 Cấu hình ASP.NET :

Đặc điểm hệ thống cấu hình của ASP.NET là một thành phần có thể mở rộng được, cho phép định nghĩa những thiết lập hệ thống khi triễn khai ứng dụng ASP.NET lần đầu tiên, sau đó có thể thêm, sửa lại những thiết lập cấu hình tại bất cứ thời điểm nào với một sự tác động nhỏ trên các ứng dụng Web và các Server.

Hệ thống cấu hình của ASP.NET mang lại các lợi ích sau:

- ✓ Thông tin cấu hình được lưu trữ trong tập tin XML chuẩn, cho nên, có thể sử dụng các trình soạn thảo văn bản chuẩn (notepad) hoặc các ứng dụng phân tích XML (XML Parser) để tạo và hiệu chỉnh nó một cách khá dễ dàng.
- Có nhiều tập tin cấu hình, tất cả đều được đặt tên là Web.config, có thể xuất hiện trong nhiều thư mục của một ứng dụng Server ASP.NET. Mỗi tập tin cấu hình áp dụng những thiết lập cấu hình cho thư mục chứa nó và những thư mục con bên dưới nó. Theo mặc định,

những thư mục con sẽ có những thiết lập cấu hình của tập tin Web.config trong thư mục cha, tuy nhiên, những tập tin cấu hình trong thư mục con có thể bổ sung, hiệu chĩnh, và thậm chí còn có thể định nghĩa chòng những thiếg lập của tập tin cấu hình trong thư mục cha. Tập tin cấu hình mức cao nhất có tên là: C:\WINNT\Microsoft.NET\Framework\ version\CONFIG\Machine.config , nó được cung cấp bởi ASP.NET và thiết lập cấu hình cho toàn Web Server.

- Trong khi chạy, ASP.NET sử dụng thông tin cấu hình được cung cấp trong cấu trúc phân cấp của thư mục ảo để tính ra một thiết lập tổng hợp cho mỗi nguồn lực (resource) duy nhất. Chý ý, hệ thống phân cấu thư mục ở đây là hệ thống thư mục ảo của IIS, không liên quan đến hệ thống thư mục thường được quản lý bởi hệ điều hành.
- ✓ Hệ thống cấu hình của ASP.NET cho phép mở rộng, có thể thêm vào các thông số cấu hình (configuration parameters), và tạo các vùng điều khiểnc cấu hình (configuration section handlers) để xử lý chúng.
- ✓ ASP.NET bảo vệ các tập tin cấu hình từ sự truy cập từ bên ngoài bằng cách cấu hình IIS ngăn cản truy cập trực tiếp từ Browse đến các tập tin cấu hình. Mã lỗi 403 sẽ được trã về cho bất kỳ sự truy cập trực tiếp nào.

# II.4 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server

#### II.4.1 Giới thiệu SQL Server 2000 :

SQL Server 2000 là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Relational Database Management System (RDBMS) ) sử dụng Trasact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa máy khách và máy chủ. Một RDBMS bao gồm cơ sở dữ liệu, phương tiện cơ sở dữ liệu và các ứng dụng đủng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác trong RDBMS.

SQL Server 2000 được tối ưu để có thể chạy trên môi trường cơ sở dữ liệu rất lớn (Very Large Database Environment) lên đến Tera-Byte và có thể phục vụ cùng lúc cho hàng ngàn người sử dụng. SQL Server 2000 có thể kết hợp "ăn ý" với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E-Commerce Server, Proxy Server...

SQL Server có 7 bản sao:

**Enterprise**: Chứa đầy đủ các đặc trưng của SQL Server và có thể chạy tốt trên hệ thống lên đến 32 CPUs và 64 GB Ram. Thêm vào đó, nó có các dịch vụ giúp cho việc phân tích dữ liệu rất hiệu quả (Analysis Services).

**Standard**: Rất thích howpicho các công ty vừa và nhỏ vì giá thành rẻ hơn nhiều so với Enterprise, nhưng lại bị giới hạn một số chức năng cao cấp (advance features) khác. Bản này có thể chạy tốt trên hệ thống lên tới 4CPUs và 2 GB Ram.

**Personal**: Được tối ưu hóa để chạy trên máy tính cá nhân nên có thể cài đặt trên hầu hết các phiên bản Windows kể cả Windows 98.

**Developer**: Có đầy đủ các tính năng của Enterprise nhưng được chế tạo đặc biệt như giới hạn số lượng người kết nối vào Server cùng một lúc...Đây là bản mà các bạn muốn học SQL Server cần có. Bản này có thể cài trên Windows 2000 Professional hay Win NT Workstation.

**Desktop Engine** (**MSDE**): Đây chỉ là một engine chạy trên desktop và không có user interface (giao diện). Thích hợp cho việc triển khai ứng dụng ở máy khách. Kích thước cơ sở dữ liệu bị giới hạn khoảng 2 GB.

Win CE: Dùng cho các ứng dụng chạy trên Windows CE.

**Trial**: Có các tính năng của Enterprise, download miễn phí nhưng giới hạn thời gian sử dụng.

### II.4. 2 Các phiên bản của SQL Server:

SQL Server của Microsoft được thị trường chấp nhận rộng rãi kể từ bản 6.5. Sau đó Microsoft đã cải tiến và hầu như viết lại một engine mới cho SQL Server 7.0. Cho nên có thể nói từ phiên bản 6.5 lên 7.0 là một bước nhảy vọt. Có một số đặc tính của SQL Server 7.0 không tương thích với bản 6.5. Trong khi đó từ phiên bản 7.0 lên bản 8.0 (SQL Server 2000) thì những cải tiến chủ yếu là mở rộng các tính năng về web và làm cho SQL Server 2000 đáng tin cậy hơn.

Một điểm đặc biệt đáng lưu ý ở phiên bản 2000 là Multiple-Instance. Nói cho dễ hiểu là bạn có thể vài phiên bản 2000 chung với các phiên bản trước mà không cần phải uninstall chúng. Nghĩa là bạn có thể song song phiên bản 6.5 hoặc 7.0 với phiên bản 2000 trên cùng một máy (điều này không thể xảy ra với các phiên bản trước đây).

# II.5 Một số cơ sở nghiên cứu khác

# II.5.1 JavaScript:

JavaScript, theo phiên bản hiện hành, là một ngôn ngữ lập trình kịch bản dựa trên đối tượng được phát triển từ các ý niệm nguyên mẫu. Ngôn ngữ này được dùng rộng rãi cho các trang web, nhưng cũng được dùng để tạo khả năng viết script sử dụng các đối tượng nằm sẵn trong các ứng dụng. Nó vốn được phát triển bởi Brendan Eich tại Hãng truyền thông Netscape với cái tên đầu tiên *Mocha*, rồi sau đó đổi tên thành *LiveScript*, và cuối cùng thành JavaScript. Giống Java, JavaScript có cú pháp tương tự C, nhưng nó gần với Self hơn Java. •js là phần mở rộng thường được dùng cho tập tin mã nguồn JavaScript.

Phiên bản mới nhất của JavaScript là phiên bản 1.5, tương ứng với ECMA-262 bản 3. ECMAScript là phiên bản chuẩn hóa của JavaScript. Trình duyệt Mozilla phiên bản 1.8 beta 1 có hỗ trợ không đầy đủ cho E4X - phần mở rộng cho JavaScript hỗ trợ làm việc với XML, được chuẩn hóa trong ECMA-357.

#### **II.5.2 CSS**:

Trong tin học, các **tập tin định kiểu theo tầng** – dịch từ tiếng Anh là **Cascading Style Sheets** (**CSS**) – được dùng để miêu tả cách trình bày các tài liệu viết bằng ngôn ngữ HTML và XHTML. Ngoài ra ngôn ngữ định kiểu theo tầng cũng có thể dùng cho XML, SVG, XUL v.v...

Các đặc điểm kỹ thuật của CSS được duy trì bởi World Wide Web Consortium (W3C).

Thay vì đặt các thẻ qui định kiểu dáng cho văn bản HTML (hoặc XHTML) ngay trong nội dung của nó, bạn nên sử dụng CSS.

#### Tác dung:

- Hạn chế tối thiểu việc làm rối mã HTML của trang web bằng các thẻ quy định kiểu dáng (chữ đậm, chữ in nghiêng, chữ có gạch chân, chữ màu...), khiến mã nguồn của trang web được gọn gàng hơn, tách nội dung của trang web và định dạng hiển thị, dễ dàng cho việc cập nhật nội dung.
- ✓ Tạo ra các kiểu dáng có thể áp dụng cho nhiều trang web, giúp tránh phải lặp lại việc định dạng cho các trang web giống nhau.

# CHƯƠNG III PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

# III.1 Mô tả bài toán, đưa ra yêu cầu

#### III.1.1 Mô tả bài toán:

Tên bài toán : "Xây dựng trang web bán điện thoại trực tuyến sử dụng ngôn ngữ lập trình ASP.NET và cơ sở dữ liệu SQL Server".

Đây là một loại hình kinh doanh ảo qua mạng bằng cách xây dựng một trang web bán hàng để mọi người có thể vào đó xem hàng, lựa chọn hàng để mua hàng. Với trang web bán điện thoại trực tuyến, nhà kinh doanh sẽ đưa thông tin của các loại điện thoại lên trang web của mình. Việc đưa thông tin cũng phải theo một trật tự hợp lý. VD như đưa thông tin theo các hãng điện thoại như Nokia, Samsung, Motorola, Siemen,....Thông tin được đưa lên bao gồm: tên điện thoại, cấu hình, hình ảnh, chức năng, giá cả, tình trạng hàng trong kho...Người quản trị trang web cũng có quyền thêm mới (khi có mặt hàng mới về), sửa đổi thông số của mặt hàng, và xóa đi những mặt hàng không còn hoặc đã lỗi. Mọi sự thay đổi đều được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu để đến với người sử dụng.

Với khách vãng lai (guest) thì được xem trang web, xem thông tin về các loại mặt hàng, nhưng không có quyền mua hàng. Bạn có thể bình chọn cho loại sản phẩm mình yêu thích. Để mua hàng, bạn phải đăng ký là thành viên của trang web. Khi đã là thành viên của site, bạn đăng nhập vào site theo tên truy nhập và mật khẩu của mình. Khi đó, bạn có quyền mua hàng. Với các mặt hàng, bạn có quyền chọn mua hàng, đưa nó vào trong giỏ hàng của mình với số lượng các mặt hàng. Bạn cũng có thể xóa đi loại sản phẩm mà mình đã cho vào giỏ hàng của mình. Ở trang này, bạn phải thanh toán bằng thẻ tín dụng. Tức là khi đã chọn xong các loại sản phẩm cần mua, bạn thanh toán bằng cách đưa thông tin về loại thẻ tín dụng của bạn (Visa, Master Card, American Express...) như: mã số thẻ, mã bảo mật, thời hạn của thẻ. Ngoài ra bạn cũng phải đưa các thông tin về địa chỉ giao hàng, số điện thoại của mình để tiện cho việc giao hàng.

Khi có một đơn đặt hàng, người quản lý sẽ đối chiếu thông số về loại thẻ tín dụng thanh toán xem có đúng không. Nếu đúng thì người quản lý sẽ nhận phiếu chuyển khoản và giao hàng cho người đặt hàng. Như vậy là quá trình mua bán đã hoàn thành.

Ngoài ra, trang web còn dùng là nơi quảng cáo cho cửa hàng điện thoại, nhận các ý kiến đóng góp của người xem để trang ngày càng hoàn thiện.

Trang web còn là diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về cách sử dụng điện thoại, lưu trữ sự kiện mới trong lĩnh vực điện thoại.

### III.1.2 Yêu cầu bài toán:

#### Đối với khách vãng lai (guest):

- ✓ Được xem thông tin về các mặt hàng điện thoại, các thông tin liên quan đến cửa hàng, liên hệ, góp ý với trang web.
- ✓ Không được quyền mua hàng.

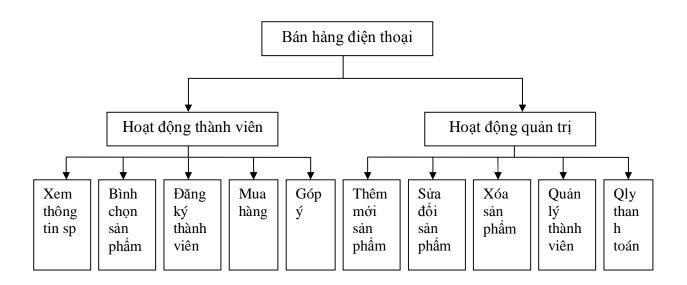
#### Đối với thành viên trang web:

- ✓ Được xem thông tin về các mặt hàng, các thông tin liên quan đến cửa hàng, góp ý, liên hệ tới trang web.
- ✓ Được quyền mua hàng khi mặt hàng đó còn trong kho hàng. Mọi sản
  phẩm thành viên mua sẽ được cho vào giỏ hàng của họ.
- ✓ Được quyền loại bỏ đi các mặt hàng sau khi mình cho vào trong giỏ hàng của mình mà chưa đăng ký thanh toán.

# Đối với người quản trị trang web (admin):

- ✓ Được thêm mới thông tin về các loại sản phẩm: Khi có hàng mới về, admin sẽ cập nhật thông tin về sản phẩm vào trong cơ sở nhập hàng về.
- ✓ Được quyền sửa đổi các thông tin sao cho phù hợp với mặt hàng.
- Được quyền xóa bỏ đi các loại điện thoại khi sản phẩm đó đã hết hoặc cửa hàng không còn kinh doanh các mặt hàng đó nữa.
- ✓ Được quyền nhận các ý kiến đóng góp của người sử dụng và trả lời lại theo yêu cầu người sử dụng thông qua email.
- ✓ Phân quyền cho thành viên tham gia vào trang web.

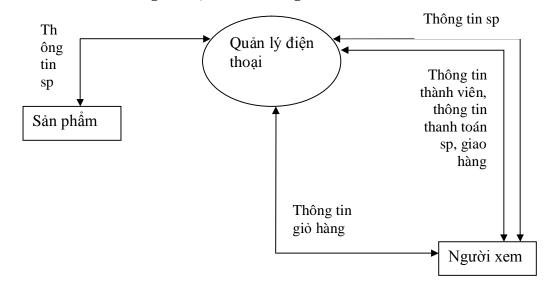
# III.2 Biểu đồ phân cấp chức năng hệ thống



H2. Biểu đồ phân cấp chức năng hệ thống.

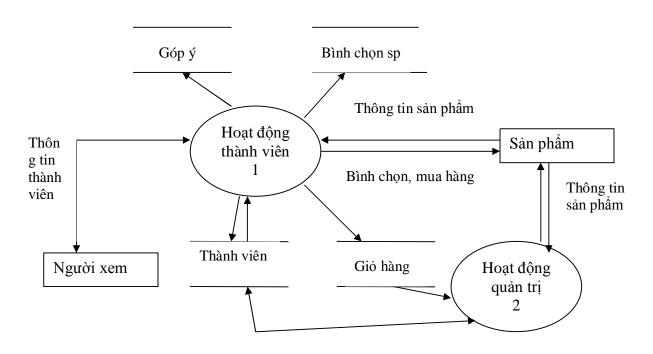
# III.3 Biểu đồ luồng dữ liệu

### III.3.1 Biểu đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh:

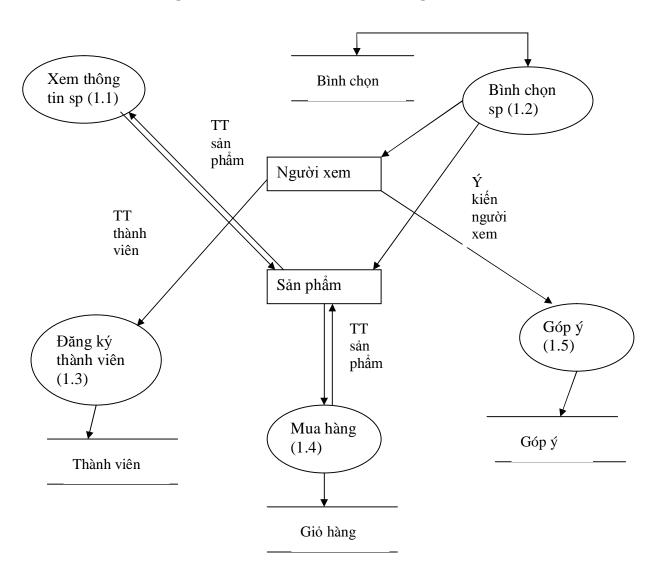


H3. Biểu đồ luồng dữ liệu mức khung cảnh.

# III.3.2 Biều đồ luồng dữ liệu mức đính:

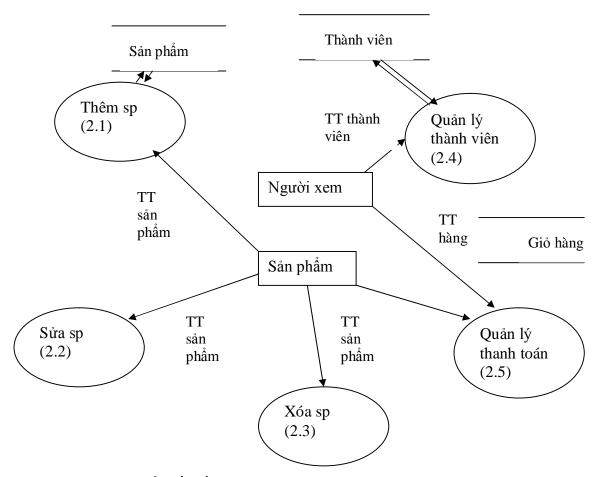


H4. Biểu đồ luồng dữ liệu mức đỉnh.



# III.3.3 Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động thành viên:

H5. Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động thành viên.



III.3.4 Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động quản trị:

H6. Biểu đồ luồng dữ liệu mức dưới đỉnh hoạt động quản trị.

# III.4 Thiết kế cơ sở dữ liệu

# III.4.1 Các bước trong thiết kế cơ sở dữ liệu cho một hệ thống:

Khi triển khai một ứng dụng thì việc thiết kế tốt một cơ sở dữ liệu ngay từ ban đầu là điều rất quan trọng. Làm thế nào để hệ thống không bị cứng nhắc mà có thể thay đổi một cách linh hoạt đồng thời có thể duy trì bảo dưỡng một các dễ dàng, ít tống kém phiền hà cho người sử dụng. Nếu giải quyết tốt các yêu cầu trên thì thực sự đã có được một cơ sở dữ liệu hoàn hảo.

Thông thường việc thiết kế cơ sở dữ liệu thường trải qua các bước cơ bản sau:

✓ Bước 1: Phân tích toàn bộ yêu cầu.

Đây là bứơc đầu tiên và khó khăn nhất là phân tích trọn vẹn những yêu cầu trong việc hình thành cơ sở dữ liệu cho một đơn vị. Người thiết kế phải tìm hiểu kỹ việc xử lý dữ liệu của tổ chức như thế nào để có cái nhìn tổng quát, sau đó mới bắt tay vào thiết kế cơ sở dữ liệu.

✓ Bước 2: Nhận diện các thực thể.

Sau khi tìm hiểu tiến trình xử lý, nhà thiết kế phải nhận diện được thực thể sẽ làm việc. Mỗi thực thể được xem là một đối tượng xử lý rõ ràng, riêng biệt. Những thực thể này được biểu diễn bởi những bảng trong cơ sở dữ liệu.

✓ Bước 3:Nhận diện các mối quan hệ giữa các thực thể.

ở bước này phải xác định xem giữa các thực thể có mối quan hệ với nhau như thế nào? Giữa các thực thể có thể có mối quan hệ Một – Một, Một- Nhiều hoặc Nhiều – Nhiều.

✓ Bước 4: Xác định khoá chính.

Trong mỗi bảng cần phải xác định một trường hay một tổ hợp trường có nhiều ý nghĩa nhất làm khoá chính nhằm phân biệt từng bản ghi.

✓ Bước 5: Nhận diện khoá ngoại lai.

Khoá ngoại lai là một trường trong một bảng mà giá trị của nó trùng với giá trị khoá chính trên bảng khác nhằm kết nối hai bảng có quan hệ với nhau. Đây là loại khoá mang tính kết nối chứ không phải khoá xác định thuộc tính duy nhất của các bản ghi

✓ Bước 6: Xác định các trường còn lại trong bảng dữ liệu.

Sau khi khai báo các thực thể, khoá chính, khoá ngoại lai, phải xác định được các trường còn lại trong bảng. Chú ý cần đặt tên sao cho thuận tiện khi xử lý. Cần phải chuẩn hoá các bảng dữ liệu để tránh trùng lặp, giữ cho dữ liệu có thể liên hệ chặt chẽ mà không bị mất thông tin

✓ Bước 7: Xây dựng sơ đồ dữ liệu.

Công việc của giai đoạn này là vẽ ra những gì đã khai báo để có thể có cái nhìn tổng quát cũng như dễ dàng tìm ra sai sót để sửa.

✓ Bước 8 : Khai báo phạm vi môi trường.

Đây là bước cuối cùng của quá trình thiết kế cơ sở dữ liệu, trong bước này, xác định kiểu dữ liệu thích hợp cho môi trường và độ rộng của môi trường.

# III.4.2 Cơ sở dữ liệu cho trang web:

Gồm 7 bảng chính

### a. Bảng **Sanpham** (Sản phẩm):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	spID	Int	4	Mã sản phẩm
2	Tensp	Char	20	Tên sản phẩm
3	Anhsp	Varchar	50	Ånh chính

### b. Bảng **Chitiet\_sp** (Chi tiết sản phẩm):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	dtID	Varchar	100	Mã điện thoại
2	Mang	Varchar	100	Mạng
3	spID	Int	4	Mã sản phẩm
4	Ngaysx	Datetime	8	Ngày sản xuất
5	Trangthai	Varchar	50	Trạng thái
6	Kichco	Varchar	100	Kích cỡ
7	Trongluong	Char	100	Trọng lượng
8	Mh_loai	Varchar	50	Loại màn hình
9	Mh_size	Varchar	20	Cỡ màn hình
10	Bn_danhba	Varchar	50	Danh bạ
11	Bn_nkcall	Varchar	50	Nhật ký cuộc gọi
12	Thenho	Varchar	20	Khe cắm thẻ nhớ
13	GPRS	Varchar	20	GPRS
14	Bluetooth	Varchar	20	Bluetooth

15	Hongngoai	Varchar	20	Cổng hồng ngoại
16	USB	Varchar	20	USB
17	Os	Varchar	50	Hệ điều hành
18	Tinnhan	Varchar	50	Tin nhắn
19	Trinhduyet	Varchar	50	Trình duyệt
20	Ngonngu	Varchar	50	Ngôn ngữ
21	Pin	Varchar	50	Pin
22	Soluong	Int	5	Số lượng
23	Gia	Decimal	9(18,0)	Giá
24	Img	Varchar	100	Hình ảnh

# c. Bảng **Nguoisd** (Người sử dụng):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	NgsdID	Varchar	50	Mã người sử dụng
2	Pass	Varchar	16	Mật khẩu
3	F_name	Varchar	50	Tên
4	L_name	Varchar	50	Họ
5	Nsinh	Char	20	Ngày sinh
6	Gioitinh	Char	10	Giới tính
7	Email	Varchar	50	Địa chỉ email
8	Quoctich	Varchar	50	Quốc tịch
9	Zip	Char	10	Mã zip
10	Add	Varchar	500	Địa chỉ
11	Phone	Char	20	Điện thoại
12	Question	Varchar	200	Câu hỏi bí mật
13	Anws	Varchar	50	Trả lời
14	Post	Int	4	
15	Ngaytg	Char	20	Ngày tham gia
16	Img	Varchar	300	Ånh

### d. Bảng Giohang (Giỏ hàng):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	giohangID	Varchar	500	Mã giỏ hàng
2	ngsdID	Varchar	50	Mã người sử dụng
3	dtID	Varchar	100	Mã điện thoại
4	spID	Int	4	Mã loại sản phẩm
5	Gia	Decimal	9(18,0)	Giá
6	Soluong	Int	4	Số lượng
7	Ttien	Decimal	9(18,0)	Tổng tiền

# e. Bảng **Thanhtoan** (Thanh toán):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	ttoanID	Varchar	50	Mã thanh toán
2	ngsdID	Varchar	50	Mã người sử dụng
3	Soluong	Int	4	Số lượng
4	Loaithe	Varchar	50	Loại thẻ
5	Sothe	Varchar	50	Số thẻ
6	Ngayhh	Datetime	8	Ngày hết hạn
7	IP	Char	20	IP
8	Add	Varchar	200	Địa chỉ giao hàng
9	Phone	Char	20	Số điện thoại

# f. Bảng **Binhchon** (Bình chọn):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	rateID	Varchar	20	Mã bình chọn
2	Binhchon	Varchar	50	Bình chọn
3	IP	Char	20	IP của máy
4	dtID	Varchar	20	Mã điện thoại

#### g. Bảng **Gopy** (Góp ý):

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Mô tả
1	gopyID	Numeric	9(18,0)	Mã góp ý
2	Chude	Varchar	100	Chủ đề
3	Nggui	Varchar	50	Người gửi
4	Ngaygui	Char	50	Ngày gửi
5	IP	Char	50	IP
6	Loinhan	Ntext	16	Lời nhắn

# III.4.3 Mối quan hệ giữa các bảng :

Giữa hai bảng : **sanpham** và **chitiet\_sp** tồn tại mối quan hệ Một – Nhiều (1-n). Vì mỗi mã loại sản phẩm thì có nhiều mã loại điện thoại, nhưng mỗi mã loại điện thoại thì chỉ thuộc về một mã loại sản phẩm mà thôi. VD : Mã 01 tương ứng với mã sản phẩm Nokia, thì có rất nhiều mã điện thoại là loại Nokia.

Giữa hai bảng : **nguoisd** và **giohang** tồn tại mối quan hệ Một – Nhiều (1-N). Vì mỗi một người sử dụng có thể mua nhiều loại mặt hàng, nhưng mỗi giỏ hàng chỉ thuộc về một người sử dụng mà thôi.

Giữa hai bảng : **nguoisd** và **thanhtoan** tồn tại mối quan hệ Một - Nhiều (1-N). Vì mỗi người sử dụng có thể mua nhiều mặt hàng ở thời điểm khác nhau nên có nhiều phiếu thanh toán khác nhau, nhưng ứng với mỗi phiếu thanh toán đó chỉ thuộc về một người sử dụng mà thôi.

Giữa hai bảng : **sanpham** và **giohang** tồn tại mối quan hệ Một – Nhiều (1-N). Vì ứng với mỗi loại sản phẩm thì sẽ sinh ra một giỏ hàng, but trong một giỏ hàng thì chỉ có một loại sản phẩm mà thôi.

Giữa hai bảng : **chitiet\_sp** và **binhchon** tồn tại mối quan hệ Một – Nhiều (1-N). Vì với mỗi một loại điện thoại thì có thể được bình chọn nhiều lần bởi nhiều người, nhưng với một phiếu bầu chỉ được bầu cho một loại sản phẩm mà thôi.

# CHƯƠNG IV THIẾT KẾ GIAO DIỆN

### IV.1 Giao diện cho người sử dụng:

Trang chủ của trang web bán điện thoại trực tuyến của shop PTDuat Mobile shop :





Bản quyền PTDuat @ mobile (Ptd) Ltd,

Với khách vãng lai (guest), bạn có thể xem thông tin về sản phẩm:

Bạn có thể đăng ký là thành viên của trang web để mua điện thoại. Đây là form đăng thành viên:

PTDuat Mobile				PTDuat Trang Chù
Bạn đã là thành viên của <mark>PTDuat</mark> Mobile shop? <u>Đăng nhâp</u> .				
Lập Tài Khoản <mark>PTDuat</mark> Sho	р			
* Tên Truy Nhập:				
* Mật Khẩu:				
* Nhập Lại Mật Khẩu :				
* Địa Chỉ Email :				
Thông Tin Cá Nhân				
* Tên:				
* Họ:	Tháng Ngày Năm			
* Ngày Sinh :				
* Giới Tính :	Nam			
Thông Tin Khác				
* Quốc Tịch :	Afghanistan	~		
Mã ZIP/Postal :				
Địa Chỉ:				
Điện Thoại :				
Nếu Bạn Quên Mật Khẩu				
* Câu Hỏi Bảo Mật:	36			
* Câu Trả Lời Của Bạn :				
Ånh :			Đăng ký	
	Bản quyền F	PTDuat © mobile (Pto	d) Ltd,	

Sau khi đăng ký là thành viên, bạn có thể đăng nhập vào trong trang web. Dưới đây là form đăng nhập vào trang web:



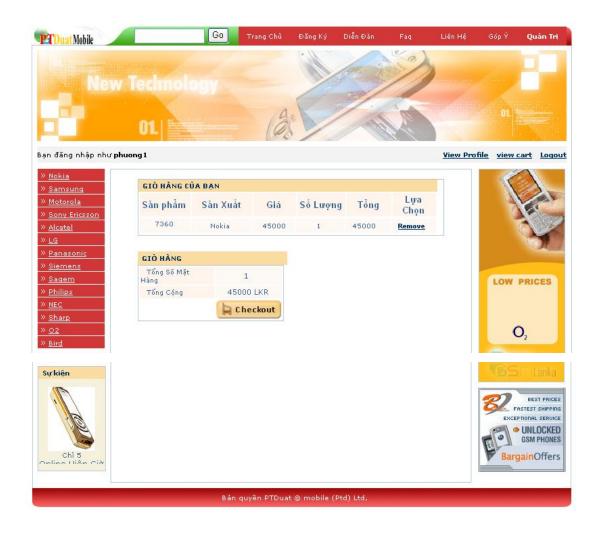
Khi là thành viên trang web, bạn có quyền mua hàng bằng cách thêm sản phẩm mình mua vào trong giỏ hàng của mình (add to card). Bạn cũng có thể bình chọn cho sản phẩm mình xem:



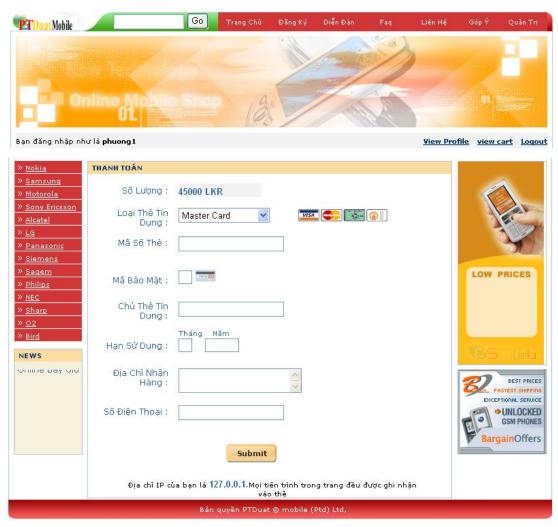
Khi bạn chọn mua một mặt hàng, bạn sẽ thêm mặt hàng đó cùng với số lượng của nó vào. Hệ thống sẽ tự động tính giá tiền và đưa vào giỏ hàng của bạn:



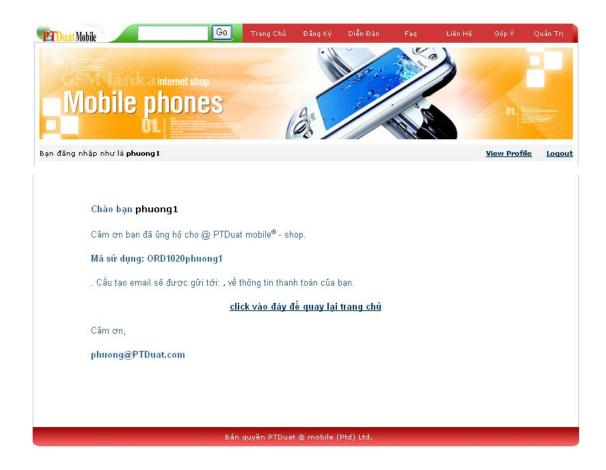
Trong giỏ hàng của mình, bạn có thể tiếp tục mua hàng hoặc bỏ đi sản phẩm mà mình không muốn mua nữa:



Sau khi đã chọn các sản phẩm đưa vào giỏ hàng, bạn sẽ thanh toán hàng. Ở đây áp dụng hình thức thanh toán bằng thẻ tín dụng. Bạn phải điền đầy đủ các thông tin về loại thẻ mình đang sử dụng (mã số thẻ, chủ thẻ, địa chỉ nhận hàng, số điện thoại).



Như vậy bạn đã hoàn tất một quá trình mua bán ảo trên mạng. Giờ đây, bạn có thể đợi cho người quản lý xác thực thông tin về bạn. Nếu hợp lệ thì sẽ giao hàng đến địa chỉ bạn đã viết khi bạn chuyển tiền vào tài khoản.



Bạn cũng có thể đóng góp ý kiến của mình về trang web. Mọi thông tin góp ý sẽ được chuyển bằng email tới người quản trị trang. Mọi thắc mắc của bạn về trang cũng sẽ được cung cấp đầy đủ và gửi email lại cho bạn:



#### IV.2 Giao diện cho người quản trị

Để vào được trang quản trị bạn phải đăng nhập vào hệ thống quản trị. Đây là form đăng nhập hệ thống quản trị:

#### Chào Mừng Bạn Đến Với PTDuat Mobile Shop

PTDuat Mobile	Bạn Là Quản Trị Viên? Xin Vui Lòng Đăng Nhập Trước Khi Vào Trang Quản Trị .
Quản Trị Viên PTDuat Mobile! Chảo Mừng Quay Trở Lại Trang Web! PTDuat @ Mobile (Ptd) Ltd,	Đ <b>ăng nhập</b> Mã Quản Trị Viên:
Shop Điện Thoại Hàng Đầu Việt Nam	Mật Khẩu: Sign in

Bản quyền PTDuat © mobile (Ptd) Ltd,

Với tên truy nhập và mật khẩu hợp lệ, bạn sẽ login vào trang quản trị. Tại đây bạn có quyền đối với hệ thống như thêm mới sản phẩm, sửa đổi sản phẩm, xóa sản phẩm, hay quản lý người sử dụng:



### Với form thêm mới sản phẩm:

Add New Phone AmodiyPhone Suser Management	Orders E-Letter	🔒 Sign out
Quản lý điện thoại : THÊM MỚI SẢN PHẨM		
€ Đặc điểm chính	■ Kích cö	
ă Điện Thoại :	Kích Thước :	
ng Sản Xuất : Nokia	Trọng Lượng :	
Mang:		
Tình Trạng : Hiện có ♥	Hiển thị	
	Loại :	
hà Sản Xuất :	Kích Cỡ;	~
Nhạc chuồng		
Loại:	Bộ nhớ	
Yêu Cầu Của Khách Hàng :	Danh Bạ :	<u>~</u>
Chế Độ Rung : Có ♥	Nhật Ký Cuộc Gọi :	
<b>₽</b> Dữ liệu	Khe Cẩm Thê :	^
GPRS:		
HSCSD: Cô ▼	🛜 Đặc trưng	
EDGE : Có ▼	Hệ Điều Hành :	
3G∶ Có ∨	Lời Nhắn :	
WLAN: Có V	Trình Duyệt :	
Bluetooth :	Đồng Hồ : Có	
	Đặc Điểm	
ổng Hồng Ngoại: Cá ♥	Khác:	~
USB:	Trò Chơi ;	
Pin	Màu Sắc :	
Pin:	Ngôn Ngữ :	
Chuẩn:	Camera :	
Thời Gian Đảm		<u>×</u>
Thoại :	A Hàng	
Ånh	Giá:	
Thumbnail :	Số Lượng :	
Detail View :	So Laying .	
Full Image :	Reorder Level:	
		Save

Để sửa đổi sản phẩm, bạn phải chọn loại sản phẩm mình cần sửa đổi. Form chọn loại điện thoại mình sửa đổi:



Sau khi đã chọn xong bạn click vào edit → form sửa đổi sẽ hiện lên cho bạn sửa đổi. Nếu bạn click vào delete thì bạn sẽ xóa sản phẩm đó ra khỏi cơ sở dữ liệu.

Với người quản trị trang web, bạn có thể phân quyền cho người sử dụng như sau:



## KÉT LUẬN

Trong quá trình thực hiện chương trình mặc dù đã rất cố gắng hết sức để cài đặt chương trình nhưng do thời gian hạn chế nên chương trình của em chưa giải quyết hết các yêu cầu đặt ra.

Về mặt công nghệ, em đã tìm hiểu và nắm bắt quy trình của dịch vụ trực tuyến, tìm hiểu ngôn ngữ lập trình mạng ASP.NET và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Ngoài ra em còn biết cách tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu cho bài toán bán hàng trực tuyến qua mạng.

Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên việc học công nghệ mới còn một số hạn chế:

- Chương trình còn đơn giản về chức năng.
- Tính bảo mật chưa cao vì khi gặp lỗi thì sẽ báo cả đường linhk cơ sở dữ liệu, do đó dễ bị hacker.

Trong quá trình xây dựng chương trình, do thời gian thực hiện hạn chế, kinh nghiệm cũng như kiến thức còn nhiều hạn chế, vì vậy chương trình hiện tại còn nhiều thiếu sót.

Chương trình hoàn thành, rất mong được các quý thầy cô và các bạn đóng góp ý kiến để xây dựng chương trình ngày một hoàn thiện.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn các thầy cô và các bạn đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em hoàn thành bài thực tập tốt nghiệp này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Quỳnh Mai đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình làm đề tài ./.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]www. Wikipedia.org.
- [2]www.vnnetsoft.com
- [3] www.vecvn.com
- [4] www.vnsolution.com
- 1. www.asp.net
- 2. www.aspvn.net
- 3. www.w3schools.com